

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC MÊ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2022/HS-ST

Ngày 25 - 11 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ, TỈNH HÀ GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Thư.

Ông Hà Mạnh Nô.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Xuân Đạt - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang:* Ông Ngô Quang Vũ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 29/2022/TLST-HS ngày 28/10/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2022 đối với.

- *Bị cáo:* Đặng Văn D; sinh năm 1991; nơi sinh: Huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn B, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Dao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn T, sinh năm 1970 và con bà Trương Thị L, sinh năm 1967; có 03 chị em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; có vợ Đặng Thị S, sinh năm 1991 và có 02 con, con lớn nhất sinh năm 2010, con nhỏ nhất sinh năm 2015; tiền sự, tiền án: Không; nhân thân: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Hiện đang áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Nguyễn Xuân G - Trợ giúp viên pháp lý; nơi công tác: Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang (Vắng mặt có lý do).

- *Nguyên đơn dân sự:* UBND xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; người đại diện theo ủy quyền ông Vũ Văn K; chức vụ: Phó Chủ tịch UBND xã Y (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* Ông Đặng Văn V; sinh năm 1973; nơi cư trú: Thôn B, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

- *Những người làm chứng:* Ông Đặng Văn T, sinh năm 1970 (Vắng mặt); ông Hoàng Văn Dân, sinh năm 1987 (Vắng mặt có lý do); bà Trương Thị P, sinh năm 1967 (Vắng mặt); bà Lý Thị N, sinh năm 1967 (Vắng mặt); bà Bồn Thị G, sinh năm 1992 (Vắng mặt); bà Bồn Thị T1, sinh năm 1983 (Vắng mặt); bà Triệu Thị D1, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 1999 ông Đặng Văn T là (bố đẻ của Đặng Văn D) mua ruộng và nương của bà Nguyễn Thị T tại khu rừng xóm N, Thôn B, xã Y, huyện B sau đó canh tác, đến năm 2013 ông Đặng Văn T đã giao cho Đặng Văn D quản lý; đến năm 2019 UBND huyện B đã có chủ trương giao rừng cho các hộ dân quản lý. Hộ gia đình ông Đặng Văn T được giao quản lý khu rừng liền kề giáp ranh với rừng của hộ gia đình ông Đặng Văn V (*em trai ruột của Đặng Văn T*) cũng được giao rừng quản lý, bảo vệ.

Đến tháng 3/2021 Đặng Văn D đã nảy sinh ý định chặt phá toàn bộ các cây gỗ thuộc khu rừng do ông Đặng Văn T đã chia cho Diễn từ trước để chuyển sang trồng cây có giá trị kinh tế cao, do không xác định ranh giới khu rừng do ông T chia nên D đã phát lẩn sang khu rừng do gia đình ông Đặng Văn V quản lý.

D đã thuê một số người dân ở thôn Đ, xã Đường A, huyện B gồm: *Trương Thị P; Lý Thị N; Bồn Thị G; Bồn Thị T1; Triệu Thị D* mỗi ngày 180.000đ, sau đó 05 người mang theo dao thực hiện việc chặt các cây nhỏ, phát dọn cỏ khoảng 10 ngày thì xong còn D trực tiếp dùng máy cưa xăng cắt những cây gỗ to chủ yếu là xòì, bồ đề, kháo, cáng lò đường kính trung bình từ 10 - 40cm, dài khoảng từ 04 - 12m, xẻ được 42 cột. Các cây nhỏ và cành, ngọn của những cây to có đường kính trung bình từ 12 - 15cm, khoảng 18m³ (*mét khối*) D cắt để đôi lấy 18.000 cây giống mỡ và 2000 cây giống quế với ông Hoàng Văn D. Sau khi cắt, chặt phát xong D thuê một số người dân trong thôn B, xã Y, huyện B dọn và trồng số cây giống đã mua vào khu vực rừng đã phát. Đến ngày 25/02/2022 Hạt kiểm lâm huyện B phát hiện và lập biên bản.

Kết quả khám nghiệm hiện và xác định hiện trường, xác định tổng số diện tích rừng do Đặng Văn D hủy hoại là 25.000m² (*Hai mươi lăm nghìn mét vuông*) Tổng số cây bị chặt phá 665 cây (chủ yếu là gỗ kháo, châu, cáng lò và gỗ thông thường) gỗ tròn nhóm VI đến nhóm VIII; vị trí khu rừng bị chặt phá thuộc lô 7, 10, 11, 31, khoảnh 2, tiểu khu 151B, chức năng rừng sản xuất là rừng tự nhiên.

Căn cứ các điểm tọa độ xác định tại hiện trường, đối chiếu với Bản đồ giao rừng năm 2019 (*Theo Quyết định 279/QĐ-UBND, ngày 09/3/2020 của UBND huyện Bắc Mê, tỉnh Hà Giang về việc giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân*) vị trí D hủy hoại rừng trên là rừng của ông Đặng Văn V ở Thôn B, xã Y, huyện B, là người đã được giao quản lý, bảo vệ.

Tại Bản kết luận ngày 05/7/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận: Tổng số gỗ bị thiệt hại 4,562m³ trị giá là 10.036.400đ (*Mười triệu không trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm đồng*).

Tại công văn số 112/CV-TNMT ngày 15/4/2022 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện B, vị trí Đặng Văn D phá rừng trái phép 25.000m² là khu

rừng do UBND xã Y quản lý nên không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tang vật thu giữ:

- 01 máy cưa xăng, màu cam, mặt màu đen, trên máy có ký hiệu chữ VATAKA CS-5990 tình trạng không hoạt động được; 01 lam máy cưa dài 55 cm đã qua sử dụng bị han rỉ; 01 xích máy cưa dài 65 cm đã qua sử dụng bị han rỉ; 01 con dao quắm dài 52cm, cán dài 17 cm đã qua sử dụng; 17 cột gỗ khảo khối lượng 0,881m³ trong đó 01 cột bị mục gãy.

- 25 cột gỗ khảo khối lượng 3,681m³ bị cáo Đặng Văn D đã sử dụng làm nhà.

Về trách nhiệm dân sự:

Tại phiên tòa đại diện nguyên đơn dân sự đề nghị bị cáo bồi thường trị giá gỗ 4,562m³ là 10.036.400đ để nộp vào ngân sách nhà nước. Bị cáo Đặng Văn D đã bồi thường xong, nay không yêu cầu bồi thường thêm khoản gì. 25 cột gỗ khảo khối lượng 3,681m³ làm nhà ở năm 2021 đã bồi thường xong giao cho bị cáo sử dụng. Hiện còn 17 cột gỗ khảo khối lượng 0,881m³ tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Tại bản cáo trạng số 31/CT-VKS ngày 27/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Đặng Văn D về tội Hủy hoại rừng, theo điểm đ khoản 2 Điều 243 của Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố tại phiên tòa phát biểu quan điểm luận tội, sau khi phân tích các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập trong quá trình điều tra cũng như diễn biến phiên tòa, trên cơ sở phân tích các căn cứ quyết định hình phạt theo quy định của Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo: Đặng Văn D phạm tội Hủy hoại rừng.

- Hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Đặng Văn D từ 32 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 tháng.

- Về hình phạt bổ sung: Không; về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo Đặng Văn D bồi thường cho UBND xã Y, huyện B, tổng số tiền 10.036.400đ để nộp sung vào ngân sách nhà nước được khấu trừ số tiền bị cáo đã nộp 10.036.400đ ngày 20/7/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.

- Về vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 01 máy cưa xăng màu cam kèm theo 01 lam máy cưa, 01 xích máy cưa và 01 con dao quắm; tịch sung vào ngân sách nhà nước 17 cột gỗ khảo khối lượng 0,881m³ trong đó 01 cột bị mục gãy. 25 cột gỗ khảo khối lượng 3,681m³ bị cáo làm nhà ở năm 2021 đã bồi thường xong giao cho bị cáo sử dụng.

- Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Miễn tiền án phí cho bị cáo Đặng Văn D.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo: Nguyên nhân, hoàn cảnh phạm tội bị cáo là người dân tộc thiểu số, trình độ học vấn 9/12 hiểu biết pháp luật hạn chế không nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Xuất phát từ động cơ, mục đích trồng cây có giá trị kinh tế tốt hơn để cải thiện đời sống gia đình, thoát nghèo nên bị cáo đã chặt hạ các cây cho giá trị kinh tế thấp hơn để trồng mới toàn bộ khu rừng, bị cáo không có động cơ, mục đích bất chính trong vụ việc chặt phá rừng trong vụ án này. Xét về các tình tiết giảm nhẹ bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như quan điểm của Viện kiểm sát đã nêu trong bản Cáo trạng. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; bị cáo hiện là lao động chính của gia đình, đang nuôi 02 con nhỏ, bố mẹ già, đặc biệt mẹ bị cáo thường xuyên phải nằm viện điều trị dài ngày, liên tục phải trải qua các cuộc phẫu thuật nên rất cần có nguồn thu nhập để trang trải cuộc sống, cần có người chăm sóc, hỗ trợ khi nằm viện. Bị cáo phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành tốt chủ trương, đường lối chính sách và pháp luật của Nhà nước. Vì vậy kính đề nghị HĐXX xem xét không cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội, cho bị cáo cơ hội tự cải tạo tại nơi cư trú, góp phần giảm bớt khó khăn cho ra đình bị cáo và cũng là giảm bớt phần nào gánh nặng cho toàn xã hội. Đề nghị HĐXX áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 65 BLHS xử phạt bị cáo Đặng Văn D 24 đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường đầy đủ theo yêu cầu của UBND xã Y, vì vậy không có ý kiến gì thêm. Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, có đơn xin miễn án phí áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo Đặng Văn D; nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhất trí quan điểm của Kiểm sát viên đề nghị không có tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng, xin Hội đồng xét xử cho hưởng án treo để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành người công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Tại phiên tòa vắng mặt:* Trợ giúp viên pháp lý có đơn đề nghị xét xử vắng mặt gửi Luận cứ bào chữa. Những người làm chứng *Đặng Văn T, bà Trương Thị P, bà Lý Thị N, bà Bồn Thị G, bà Bồn Thị T1, bà Triệu Thị D1* đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, ông Hoàng Văn D có đơn

xét xử vắng mặt. Xét thấy bị cáo, Đại diện nguyên đơn dân sự, Kiểm sát viên đồng ý xét xử; trong hồ sơ cơ quan điều tra đã tiến hành lấy lời khai những người này, việc vắng mặt Trợ giúp viên pháp lý, những người làm chứng không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án; căn cứ Điều 291, khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người trên.

[2] *Về tố tụng*: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên. Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, nguyên đơn dân sự, Trợ giúp viên pháp lý không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] *Về căn cứ định tội, định khung hình phạt*: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, xác định hiện trường, bản ảnh hiện trường và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận: Khoảng tháng 3/2021 Đặng Văn D có hành vi hủy hoại rừng (chặt, phá rừng để trồng cây trồng khác) vị trí thuộc lô 7, 10, 11, 31, khoảnh 2, tiểu khu 151B, (Theo Bản đồ điều chỉnh quy hoạch đất lâm nghiệp và ba loại rừng tỉnh Hà Giang giai đoạn 2016 - 2025 được UBND tỉnh Hà Giang phê duyệt tại Quyết định số 1619/QĐ-UBND ngày 30/7/2018) chức năng rừng sản xuất là rừng tự nhiên. Theo Quyết định 279/QĐ-UBND, ngày 09/3/2020 của UBND huyện B, tỉnh Hà Giang về việc giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân là rừng thuộc trách nhiệm quản lý, bảo vệ của hộ gia đình ông Đặng Văn V. Số lượng gỗ bị thiệt hại trị giá 10.036.400đ (Mười triệu không trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm đồng).

Hành vi của Đặng Văn D hủy hoại rừng tự nhiên là rừng sản xuất diện tích là 25.000m² đã cấu thành tội Hủy hoại rừng quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự. Như vậy, bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội *Hủy hoại rừng* theo điểm đ khoản 2 Điều 243 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

Điều 243 Bộ luật Hình sự quy định

... 2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

... đ) Rừng sản xuất có diện tích từ 10.000 mét vuông (m²) đến dưới 50.000 mét vuông (m²).

[4] *Đánh giá tính chất, mức độ của hành vi phạm tội*: Hành vi phạm tội bị cáo thuộc trường nghiêm trọng, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi chặt phá toàn bộ các cây gỗ do bố đẻ đã chia cho từ trước. Mục đích trồng cây có giá trị kinh tế cao để xóa đói giảm nghèo, do không xác định ranh giới khu rừng được chia nên đã phát lán sang khu rừng gia

đình ông Đặng Văn V quản lý. Bị cáo trực tiếp chặt phá rừng và thuê người phát rừng trả tiền công. Trước khi chặt phá rừng, bị cáo không làm thủ tục xin phép cơ quan Nhà nước theo quy định. Hành vi chặt phá cây trên đất rừng sản xuất là rừng tự nhiên làm thay đổi sinh thái môi trường rừng, bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý và bảo vệ rừng. Diện tích rừng tự nhiên là rừng sản xuất thiệt hại là 25.000m². Nên cần xử phạt bị cáo bằng chế tài Luật hình sự tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra.

[5] Bị cáo Đặng Văn D đang áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, Hội đồng xét xử, xét thấy bị cáo xử phạt tù nhưng được hưởng án treo nên hủy bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú theo quy định tại Điều 125, 278 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[6] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử cân nhắc, xem xét và áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo.

[7] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có.

[8] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Đặng Văn D thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện khắc phục hậu quả bồi thường xong số tiền 10.036.400đ, trình độ học vấn thấp hiểu biết pháp luật hạn chế đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, đồng thời chấp hành tốt chính sách pháp luật của nhà nước, từ trước đến nay chưa vi phạm lần nào. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định, mà cho bị cáo tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật. Nên áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự theo hướng dẫn Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, để tạo điều kiện bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ điều kiện giáo dục và phòng ngừa tội phạm, không gây nguy hiểm cho xã hội và không làm ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

[9] Trong vụ án này còn có đối tượng liên quan.

[9.1] Đối với hành vi chặt phá cây gỗ của *Trương Thị P; Lý Thị N; Bồn Thị G; Bồn Thị T1; Triệu Thị D* đã tham gia chặt phá rừng cho Đặng Văn D để hưởng tiền công theo thỏa thuận. Những người này Đặng Văn D nói khu rừng được giao cho gia đình quản lý có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và không được Đặng Văn D cho biết việc chặt phá rừng đã được cấp phép hay không, không biết việc tham gia chặt phá rừng là vi phạm pháp luật. Do đó, không có căn cứ để xem xét xử lý những người nêu trên nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9.2] Đối với hành vi của ông Đặng Văn T khi giao cho Đặng Văn D quản lý khu rừng trên từ năm 2013 tuy chưa được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đến tháng 3/2021 Đặng Văn D đã tự ý đi lên khu rừng trên để chặt phá rừng nhưng ông Đặng Văn T không biết, không được bàn bạc. Do vậy không có căn cứ xử lý đối với Đặng Văn T nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9.3] Đối với Đặng Văn V sau khi được nhà nước giao rừng cho quản lý đã thực hiện công tác bảo vệ, quản lý rừng. Tại thời điểm Đặng Văn D hủy hoại rừng trên là do dịch bệnh COVID19 nên ông Việt không thường xuyên kiểm tra rừng nên không biết Đặng Văn D phát sang lấn phần đất rừng của mình, đến khi phát hiện rừng đã bị hủy hoại hoàn toàn, ông V đã báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý. Do đó không đủ căn cứ để xử lý Đặng Văn V.

[9.4] Đối với Hoàng Văn Dân có hành vi đốn gỗ thông thường khoảng 18m³ để lấy 18.000 cây giống mỡ và 2000 cây giống quế giữa Đặng Văn D và Hoàng Văn D nhưng ông D không biết số gỗ trên là do hành vi phá rừng trái phép của bị cáo D gây ra, hiện số gỗ trên không còn, đồng thời không xác định được chủng loại, nhóm gỗ và khối lượng chính xác để định giá tài sản, do vậy không đủ căn cứ xử lý đối với Hoàng Văn D nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện nguyên đơn dân sự UBND xã Y đã nhận đủ số tiền bồi thường thiệt hại 10.036.400đ. Tại phiên tòa không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền gì. Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về hình phạt bổ sung: Quy định tại khoản 4 Điều 243 của Bộ luật Hình sự “Người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 20.000.000đ đến 100.000.000đ”. Tuy nhiên, theo tài liệu, chứng cứ và lời khai tại phiên tòa thì bị cáo là người dân lao động thuần túy, thu nhập không ổn định, là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn không có khả năng thi hành. Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[12] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Đối 01 máy cưa xăng kèm theo 01 lam và 01 xích máy cưa là công cụ phạm hiện đã bị hỏng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy; đối với 01 con dao quắm là công cụ phạm tội không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 25 cột gỗ khối lượng 3,681m³ bị cáo làm nhà ở ổn định năm 2021 đã bồi thường xong nên cần tiếp tục giao cho bị cáo sử dụng. Đối với 17 cột gỗ khối lượng 0,881m³ do phạm tội mà có cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[13] Về án phí: Bị cáo Đặng Văn D là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn có đơn đề nghị miễn nộp án phí. Hội đồng xét xử miễn án phí theo quy định của pháp luật.

[14] Trợ giúp viên pháp lý đề nghị hình phạt bị cáo từ 24 đến 30 tháng tù cho hưởng án treo chưa phù hợp, không đảm bảo tính răn đe phòng ngừa chung nên không được chấp nhận.

[15] Từ những căn cứ trên đại diện Viện Kiểm sát đề nghị là có căn cứ được chấp nhận.

[16] Quyền kháng cáo: Bị cáo; nguyên đơn dân sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Đặng Văn D phạm tội Hủy hoại rừng.

2. Hình phạt: Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 243; Điều 50; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn D 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (*Sáu mươi*) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đặng Văn D cho UBND xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người được hưởng án treo. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

3. Về hình phạt bổ sung: Không.

4. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Đặng Văn D bồi thường tổng trị giá thiệt hại về lâm sản là 10.036.400đ (*Mười triệu không trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm đồng*) cho UBND xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang để nộp sung vào ngân sách nhà nước được khấu trừ số tiền bị cáo Đặng Văn D đã nộp 10.036.400đ theo biên lai thu tiền số 0003177 ngày 04/10/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Giang. Đã thi hành xong.

5. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự, Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 17 cột gỗ khảo khối lượng 0,881m³ (*Không phải tám trăm tám mươi một mét khối gỗ tròn*) trong đó 01 cột bị mục gãy.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 máy cưa xăng, màu cam, mặt màu đen, trên máy có ký hiệu chữ VATAKA CS-5990 tình trạng không hoạt động được; 01 lam máy

cửa dài 55 cm đã qua sử dụng bị han rỉ; 01 xích máy cửa dài 65 cm đã qua sử dụng bị han rỉ; 01 con dao quắm dài 52cm, cán dài 17 cm đã qua sử dụng.

- Giao cho bị cáo Đặng Văn D sử dụng 25 cột gỗ khảo khối lượng 3,681m³ (Ba phẩy sáu trăm tám mươi một mét khối gỗ thành khí) đã làm nhà.

(Tình trạng như trong biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/11/2022 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện B với Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

6. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đặng Văn D được miễn nộp tiền án phí hình sự.

7. Về quyền kháng cáo: Bị cáo; nguyên đơn dân sự; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện B;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện B;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Phòng PV06 CA tỉnh Hà Giang;
- Cơ quan THAHS CA huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- UBND xã Y;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Dương Văn Công